

**1. THÔNG TIN CHUNG**

<b>Tên học phần:</b>	Tiếng Nhật 4
<b>Mã số học phần:</b>	JP2111
<b>Khối lượng:</b>	3 (0-6-0-6) - Lý thuyết: 90 tiết (45 buổi x 2 tiết) - BTL: 0 tiết - Thí nghiệm: 0 tiết
<b>Học phần tiên quyết:</b>	-
<b>Học phần học trước:</b>	-
<b>Học phần song hành:</b>	-

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Ở bộ môn tiếng Nhật 1 và 2, sinh viên đã sử dụng giáo trình "Minna no Nihongo - Sơ cấp I" để học về Hiragana, Katakana, chữ Hán cũng như các mẫu ngữ pháp cơ bản (trật tự từ trong câu với danh từ, tính từ, động từ ở các thể khẳng định, phủ định, nghi vấn). Qua đó, ngay cả những sinh viên chỉ mới bắt đầu học tiếng Nhật sau khi vào đại học, cũng đã trang bị được cho mình năng lực tiếng Nhật ở mức độ có thể thực hiện những đoạn hội thoại ngắn với giáo viên người Nhật Bản. Trong học phần tiếng Nhật 4 này, sinh viên sẽ học những mẫu ngữ pháp phức tạp hơn so với kỳ trước (sử dụng tha động từ/ tự động từ, sử dụng các mẫu câu phù hợp với mối quan hệ...), đây cũng là khóa học kết thúc phần tiếng Nhật sơ cấp cho sinh viên HEDSPI nói chung. Ngoài ra, dự kiến cuối kỳ sẽ có bài thi thử trực tuyến trình độ JLPT N4, do vậy giáo viên cũng sẽ đan cài những tiết học liên quan đến cách giải bài nghe hiểu, đọc hiểu trình độ N4. Các mẫu ngữ pháp phức tạp hơn, tốc độ hiểu bài của sinh viên cũng chậm đi, do vậy ở học phần này, giáo viên sẽ dành thời gian ôn tập cho từng bài, vì thế thời gian dành cho mỗi bài sẽ nhiều lên.

**3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng:

<b>Mục tiêu/CĐR</b>	<b>Mô tả mục tiêu/Chuẩn đầu ra của học phần</b>	<b>CĐR được phân bổ cho HP/ Mức độ (I/T/U)</b>
<b>[1]</b>	<b>[2]</b>	<b>[3]</b>
<b>M1</b>	<b>Mục tiêu ngôn ngữ:</b>	2.3.3
M1.1	Sinh viên có thể sử dụng các mẫu câu tiếng Nhật cơ bản (trong phạm vi đã học ở Minna no Nihongo I và II) để tham gia các giờ học "Tiếng Nhật chuyên ngành IT" sẽ học từ năm thứ 3 trở đi mà không bị quá sức.	
M1.2	Trang bị năng lực tiếng Nhật tương đương trình độ JLPT N4	
<b>M2</b>	<b>Mục tiêu hành động:</b>	1.1.4

M2.1	Sinh viên có thể tự quản lý bản thân (động lực, mục tiêu tương lai).	
M2.2	Tự mình kiểm tra thông tin điểm danh & điểm số để luôn nắm được tình hình học tập của bản thân.	

#### 4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

##### Giáo trình

- [1] Sách Minna no Nihongo (Sơ cấp II - Honsatsu), Sách giải thích ngữ pháp, Sách nghe hiểu (Choukai Task), Sách Hán Tự bản tiếng Việt
- [2] Minna no Nihongo (Sơ cấp II); Sách đọc hiểu - Dokkai Topic

#### 5. CÁCH ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá cụ thể	Mô tả	CDR được đánh giá	Tỷ trọng
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
<b>A1. Điểm quá trình (*)</b>	<b>A1.1: Minitest</b>	Thi viết	M2.1, M2.2	<b>10%</b>
	<b>A1.2: Thi giữa kỳ</b>	Thi viết	M1	<b>40%</b>
<b>A2. Điểm cuối kỳ</b>	<b>A2: Thi cuối kỳ</b>	Thi viết	M1.1, M1.2, M1.3 M2.1, M2.2, M3.1,	<b>50%</b>

#### 6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thay vì lên lớp học trực tiếp hàng tuần theo lịch học chính thức của môn tiếng Nhật 4, sinh viên sẽ nhận các bài tập và nội dung học trong tuần thông qua email vào các ngày thứ 3 hàng tuần. Sinh viên có trách nhiệm nghiên cứu và hoàn thành các nội dung được giao và gửi lại trước thứ 2 của tuần kế tiếp.

Thứ 3 hàng tuần, từ 17:00 - 17:30, sinh viên và giáo viên sẽ gặp mặt, trao đổi lại các nội dung trong tuần.

Nội dung được sử dụng trong giảng dạy giống với các nội dung hiện đang áp dụng tại môn tiếng Nhật 4 kỳ 202102 tại trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông (Soict).